

Bản án số: 07/ 2019/ HS-ST
Ngày 23 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Dương Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 158/ 2018/ TLST-HS, ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:161/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên **PHAN ĐỨC H**, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký HKTT và Nơi thường trú: xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Con ông: Phan Trần L - Sinh năm 1947; Con bà: Dương Thị B - Sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1987 và có 02 con.

Tiền án; Tiền sự: Không có.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình.

(Có mặt)

Bị hại: Hà Thị D, sinh năm: 1991.

Nơi đăng ký HKTT: xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt – Có đơn xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm: 1974.

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt – Không lý do)

2. Ông Phan Trần L, sinh năm: 1947.

Nơi thường trú: Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987.

Nơi thường trú: Xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/9/2018, Phan Đức H, sinh năm 1981, trú tại xóm L, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên đến phòng trọ của chị Hà Thị D, sinh năm 1991, trú tại xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên khi đó chỉ có một mình chị D. H ngồi chơi một lúc thì có hỏi mượn xe máy của chị D nhưng chị D không cho mượn. Sau đó, chị D đi vào nhà vệ sinh khép kín tại phòng trọ thì H nhìn thấy chùm chìa khóa xe máy của chị D để tại giường. Tranh thủ lúc chị D đi vệ sinh, H đã lấy chùm chìa khóa xe máy của chị D đi ra sân phòng trọ mở khóa chiếc xe máy của chị D có nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm sát 97B1 - 66349 và điều khiển xe đi khỏi khu vực nhà trọ. Chị D chạy ra theo sau nhưng không đuổi kịp.

Lấy được xe, Phan Đức H điều khiển chiếc xe máy của chị D đến nhà anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1974, HKTT: xóm Đ, xã H, thị xã P, Thái Nguyên (làm nghề kinh doanh mua bán, trao đổi xe cũ mới). Tại đây, H gặp anh Đ và nói muốn bán chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên. Khi anh Đ hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì H nói là xe của vợ H. Hai bên thỏa thuận với nhau và anh Đ đồng ý mua chiếc xe mô tô nói trên với giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); H viết giấy bán xe cho anh Đ và anh Đ giữ lại chiếc xe này để H có tiền sẽ mua lại. Nhận tiền từ anh Đ, H đem số tiền này đi tiêu sài cá nhân hết. Năm ngày sau H không có tiền đã tiếp tục quay lại gặp anh Đ lấy thêm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và viết thêm vào giấy bán xe trước đó. Sau khi H lấy xe đi chị D đã nhiều lần gọi điện bảo H trả xe nhưng H nói dối quanh co không trả mà đã đem bán lấy tiền trả nợ. Đến ngày 11/10/2018 chị D đã có đơn trình báo đề nghị Công an huyện P điều tra làm rõ, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Làm việc với anh Đặng Văn Đ, anh Đ thừa nhận đã mua chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên của anh Phan Đức H với tổng giá trị là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Ngày 11/10/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát: 97B1 – 663.49 tại nhà anh Đ để phục vụ quá trình điều tra.

Ngày 12/10/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản số 99 đối với một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, biển kiểm soát 97B1 – 663.49, màu sơn trắng, đã qua sử dụng. Ngày 15/10/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện P ra Kết luận định giá tài sản số 265/KL-ĐG, kết luận giá trị tài sản nói trên là: 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Sau khi sự việc xảy ra, ông Phan Trần L, sinh năm 1947, HKTT: xóm L, T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (bố đẻ của Phan Đức H) bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng và đưa cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, HKTT: xóm L, T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vợ của Phan Đức H) để đến gặp anh Đ và chuộc lại đăng ký xe mang tên Hà Thị D cùng hai giấy bán xe mà H đã đưa cho anh Đ trước đó. Ông L đã cung cấp những giấy tờ này cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Tại cơ quan điều tra Phan Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mục đích ban đầu H đến gặp chị D để mượn xe rồi mang đi bán, nhưng chị D không cho mượn. Lúc này H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản khi chị D đi vào nhà vệ sinh, chèo chìa khóa xe mô tô chị D để ở giường. H đã lấy chèo chìa khóa xe mô tô của chị D đi ra sân mở khóa điện lấy xe của chị D đem đi bán lấy tiền trả nợ. H đi đến cổng nhà trọ thì quay đầu lại nhìn thấy chị D đang đi từ cửa phòng trọ ra, H không dừng lại mà tiếp tục điều khiển xe mô tô của chị D đi để tiêu thụ.

Bị cáo Phan Đức H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo.

Vật chứng của vụ án: một xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION gắn biển kiểm soát 97B1-663.49, số khung: 5814GY255243, số máy: JF66E0255284 màu sơn trắng đã qua sử dụng; một giấy đăng ký xe mô tô, bản gốc mang tên Hà Thị D; một chùm chìa khóa gồm: một chìa khóa điện, một chìa khóa cang; một miếng nhựa có in hình và biển số xe 97B1-663.49; một chiếc mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu đỏ; một chiếc áo mưa màu xanh được thu hồi và trả lại cho chị Hà Thị D.

Về trách nhiệm dân sự: đối với chị Hà Thị D không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì. Ông Phan Trần L không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền đã bỏ ra chuộc lại giấy tờ từ anh Đặng Văn Đ. Anh Đặng Văn Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về mặt dân sự đối với số tiền đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô do H trộm cắp được mà có.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSPB ngày 10 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phan Đức H về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt Phan Đức H từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định trả tự do cho bị cáo nếu như không bị giam về một tội phạm khác.

Trách nhiệm dân sự: Đối với người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Thông báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo và xin được cải tạo tại địa phương để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/9/2018, Phan Đức H có đến phòng trọ của chị Hà Thị D chơi, khi đó chỉ có một mình chị D. H ngồi chơi một lúc thì có hỏi mượn xe máy của chị D nhưng chị D không cho mượn. Sau đó, chị D đi vào nhà vệ sinh khép kín tại phòng trọ thì H nhìn thấy chòm chìa khóa xe máy của chị D để tại giường. Tranh thủ lúc chị D đi vệ sinh, H đã lấy chòm chìa khóa xe máy của chị D đi ra sân phòng trọ mở khóa chiếc xe máy của chị D có nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm sát 97B1 - 66349 và điều khiển xe đi khỏi khu vực nhà trọ. Lấy được xe, Phan Đức H mang xe đến nhà anh Đặng Văn Đ bán với giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), sau đó năm ngày H lại tiếp tục gặp anh Đ lấy thêm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và viết thêm vào giấy bán xe trước đó, số tiền bán xe bị cáo dùng tiêu sài cá nhân hết.

Như vậy, việc bị cáo thực hiện hành lén lút, lợi dụng sơ hở của chị D để trộm cắp tài sản như đã nêu trên là đủ yếu tố cấu thành tội, do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phan Đức H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...

2. ...”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường và khắc phục hậu quả và có bố để được Nhà Nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Phan Đức H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Trong trường hợp Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Bị cáo sẽ phải chịu hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6]. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo H không bị giam về một tội phạm khác.

[7]. Trách nhiệm dân sự: Thiệt hại đã được khắc phục, người bị hại không có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có

[9]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, biện pháp cải tạo là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Khoản 2 Điều 136; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt

Phan Đức H **15** (Mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 23 tháng 01 năm 2019).

Giao bị cáo Phan Đức H cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là bị cáo Phan Đức H) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Ra quyết định trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phan Đức H đang bị tạm giam, nếu bị cáo Phan Đức H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Phan Đức H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp sung quỹ Nhà nước.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Phan Đức H); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Ông Phan Trần L; Chị Nguyễn Thị L), báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (Chị Hà Thị D); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đặng Văn Đ), báo cho chị D và anh Đ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên